Sao y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI; 13/08/2026; 14:21:03; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 708 /QĐ-UBND	*A Dơi, ngày 29 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và kinh phí thực hiện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 324/TTr-VHXH ngày 29/7/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và kinh phí thực hiện đối với 23 trường hợp *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế chi trả các chính sách, chế độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Bảo hiểm xã hội cơ sở Khe Sanh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ A DƠI T. QUẢNG TRỊ

Trần Trọng Kim

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN NGHỈ VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 708 /UBND-VHXH ngày 29 /7/2026 của Chủ tịch UBND xã)

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức danh, đơn vị công tác	Mức phụ cấp hiện hưởng	Tiền phụ cấp tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Thời gian công tác để tính trợ cấp				Số năm, tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu	Tuổi khi giải quyết chế độ	Thời điểm nghỉ việc	Kinh phí chi trả (1000 đồng)				Ghi chú
									Tổng	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
			Nam	Nữ						Thời gian công tác ở chức danh KCT cấp xã	Thời gian công tác ở chức danh KCT ở thôn	Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc tại VTVL khác					Trợ cấp một lần	Trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp thời gian tìm việc	
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*		*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*20*
I		**THÔN XY**																		
1	1	Hồ Văn Nua	14/9/1986			Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Troan La Reo	1,3	3.042	**11 năm 06 tháng**		11 năm 06 tháng		22 năm 03 tháng	39 tuổi 09 tháng	30/6/2026	**207.617**	146.016	52.475	9.126	
2	2	Hồ Thị Diệu Ái		28/5/1976		Trưởng thôn Ra Man	1,3	3.042	**01 năm 04 tháng**		01 năm 04 tháng		10 năm	50 tuổi	30/6/2026	**45.630**	45.630			Hưởng hưu trí
3	3	Hồ A Xá	01/01/1975			Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn Ra Man	1,2	2.808	**16 năm 05 tháng**		16 năm 05 tháng		10 năm 06 tháng	51 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**212.706**	134.784	69.498	8.424	
4	4	Hồ Ta Lộc	02/6/1974			Bí thư Chi bộ thôn Ra Po	1,3	3.042	**04 năm 01 tháng**		04 năm 01 tháng		09 năm 11 tháng	52 tuổi 01 tháng	30/6/2026	**148.906**	119.246	20.534	9.126	
5	5	Hồ Văn Yên	20/12/1968			Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Troan La Reo	1,2	2.808	**14 năm 09 tháng**		**14 năm 09 tháng**		04 năm 06 tháng	57 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**192.910**	121.306	63.180	8.424	
II		**THÔN A DƠI ĐỚ**																		
6	1	Hồ Văn Đanh	01/01/1984			Trưởng thôn A Dơi Đớ	1,3	3.042	**08 năm 06 tháng**		08 năm 06 tháng		19 năm 07 tháng	42 tuổi 05 tháng	30/6/2026	**193.928**	146.016	38.786	9.126	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức danh, đơn vị công tác	Mức phụ cấp hiện hưởng	Tiền phụ cấp tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Thời gian công tác để tính trợ cấp				Số năm, tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu	Tuổi khi giải quyết chế độ	Thời điểm nghỉ việc	Kinh phí chi trả (1000 đồng)				Ghi chú
									Tổng	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
			Nam	Nữ						Thời gian công tác ở chức danh KCT cấp xã	Thời gian công tác ở chức danh KCT ở thôn	Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc tại VTVL khác					Trợ cấp một lần	Trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp thời gian tìm việc	
7	2	Lê Toản	03/5/1965			Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Đồng Tâm	1,2	2.808	**02 năm 06 tháng**		02 năm 06 tháng		05 tháng	61 tuổi 01 tháng	30/6/2026	**86.346**	67.392	10.530	8.424	
8	3	Hồ Văn Dương (Ăm Ngay)	18/8/1963			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Proi Xy	1,2	2.808	**09 năm 09 tháng**		09 năm 09 tháng			62 tuổi 10 tháng	30/6/2026	**42.120**	42.120			*Quá tuổi nghỉ hưu*
III		**THÔN A DƠI CÔ**																		
9	1	Hồ Văn PLanh	01/01/1983			Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn A Dơi Cô	1,3	3.042	**12 năm 01 tháng**		12 năm 01 tháng		18 năm 06 tháng	43 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**212.180**	146.016	57.038	9.126	
10	2	Hồ Phúc Yên	02/9/1954			Trưởng thôn Prin Thành	1,3	3.042	**06 năm 09 tháng**		06 năm 09 tháng			71 tuổi 10 tháng	30/6/2026	**45.630**	45.630			*Hưởng hưu trí*
11	3	Nguyễn Thành Công	13/6/1994			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Prin Thành	1,2	2.808	**02 năm 06 tháng**		02 năm 06 tháng		30 năm	32 tuổi	31/5/2026	**86.346**	67.392	10.530	8.424	
12	4	Hồ Văn Xưa	01/01/1971			Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Xa Doan	1,2	2.808	**06 năm 03 tháng**		06 năm 03 tháng		06 năm 06 tháng	55 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**170.586**	134.784	27.378	8.424	
IV		**THÔN TRÙM**																		
13	1	Hồ Văn Dở	12/02/1975			Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Trùm	1,2	2.808	**11 năm 07 tháng**		11 năm 07 tháng		10 năm 08 tháng	51 tuổi 04 tháng	30/6/2026	**193.752**	134.784	50.544	8.424	
14	2	Hồ Văn Bùi	16/12/1993			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Hùn	1,3	3.042	**03 năm 11 tháng**		03 năm 11 tháng		29 năm 06 tháng	32 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**141.757**	114.379	18.252	9.126	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức danh, đơn vị công tác	Mức phụ cấp hiện hưởng	Tiền phụ cấp tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Thời gian công tác để tính trợ cấp				Số năm, tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu	Tuổi khi giải quyết chế độ	Thời điểm nghỉ việc	Kinh phí chi trả (1000 đồng)				Ghi chú
									Tổng	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
			Nam	Nữ						Thời gian công tác ở chức danh KCT cấp xã	Thời gian công tác ở chức danh KCT ở thôn	Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc tại VTVL khác					Trợ cấp một lần	Trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp thời gian tìm việc	
V		THÔN MĂNG SÔNG																		
15	1	Hồ Văn Hà	11/12/1978			Bí thư Chi bộ thôn Măng Sông	1,3	3.042	**08 năm 09 tháng**		08 năm 09 tháng		14 năm 06 tháng	47 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**196.209**	146.016	41.067	9.126	
16	2	Hồ Văn Đông	01/01/1994			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Măng Sông	1,2	2.808	**02 năm 07 tháng**		02 năm 07 tháng		29 năm 06 tháng	32 tuổi 06 tháng	31/5/2026	**90.698**	69.638	12.636	8.424	
17	3	Hồ Văn Mái	10/8/1978			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Vầng	1,2	2.808	**07 năm**		07 năm		14 năm 02 tháng	47 tuổi 10 tháng	30/6/2026	**172.692**	134.784	29.484	8.424	
	VI	THÔN BA TẦNG																		
18	1	Hồ Văn Phi	07/6/1985			Bí thư Chi bộ thôn Ba Lòng	1,3	3.042	**06 năm 07 tháng**		06 năm 07 tháng		21 năm	41 tuổi	30/6/2026	**187.083**	146.016	31.941	9.126	
19	2	Hồ Văn Ngum	17/10/1988			Bí thư Chi bộ thôn Ba Tầng	1,3	3.042	**10 năm 06 tháng**	09 năm 05 tháng	01 năm 01 tháng		24 năm 04 tháng	37 tuổi 08 tháng	30/6/2026	**203.054**	146.016	47.912	9.126	
20	3	Hồ Văn Xuông	14/7/1990			Trưởng thôn Ba Lòng	1,3	3.042	**08 năm 09 tháng**		08 năm 09 tháng		26 năm 01 tháng	35 tuổi 11 tháng	30/6/2026	**196.209**	146.016	41.067	9.126	
21	4	Hồ Văn Vươn	15/7/1982			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Loa	1,2	2.808	**03 năm 09 tháng**		03 năm 09 tháng		18 năm 01 tháng	43 tuổi 11 tháng	30/6/2026	**126.360**	101.088	16.848	8.424	
22	5	Hồ Mới	01/01/1984			Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Ba Lòng	1,2	2.808	**04 năm**		04 năm		19 năm 06 tháng	42 tuổi 06 tháng	30/6/2026	**133.099**	107.827	16.848	8.424	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức danh, đơn vị công tác	Mức phụ cấp hiện hưởng	Tiền phụ cấp tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Thời gian công tác để tính trợ cấp				Số năm, tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu	Tuổi khi giải quyết chế độ	Thời điểm nghỉ việc	Kinh phí chi trả (1000 đồng)				Ghi chú
									Tổng	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
			Nam	Nữ						Thời gian công tác ở chức danh KCT cấp xã	Thời gian công tác ở chức danh KCT ở thôn	Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc tại VTVL khác					Trợ cấp một lần	Trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp thời gian tìm việc	
23	6	Hồ Văn Thắng	20/10/1987			Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Ba Tầng	1,2	2.808	**07 năm**		07 năm		23 năm 5 tháng	38 tuổi 07 tháng	30/6/2026	**172.692**	134.784	29.484	8.424	
		Tổng cộng														**3.458.508**	**2.597.681**	**686.030**	**174.798**	

Danh sách này gồm có 23 người./.